

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 108/BC-CTCPNS

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 4 năm 2023

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

### **I. THÔNG TIN CHUNG**

#### **1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4600100109  
Do Sở KH&ĐT Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 25/12/2009, cấp thay đổi lần 7 ngày 14/2/2023.
- Vốn điều lệ : 160.000.000.000 (Một trăm sáu mươi tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 160.000.000.000 (Một trăm sáu mươi tỷ đồng).
- Trụ sở chính : Tổ 1, đường Bến Oánh, phường Trung Vương, TP.Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Điện thoại : (+84).0208.3851537
- Fax : (+84).0208.3852976
- Website : <http://www.nuocsachthainguyen.vn>
- Mã cổ phiếu : TNW

#### **Quá trình hình thành và phát triển:**

Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh Nước sạch Thái Nguyên (theo Quyết định

số: 2691/QĐ- UBND ngày 22/10/2009 của UBND tỉnh Thái Nguyên). Công ty tiến hành phiên họp Đại hội cổ đông lần thứ nhất vào ngày 20/12/2009 và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ ngày 01/01/2010.

**Những dấu mốc kể từ ngày Công ty được thành lập:**

- Năm 1962: Nhà máy nước Túc Duyên được thành lập.
- Ngày 31/12/1992: Doanh nghiệp Nhà nước: Nhà máy nước Bắc Thái được thành lập theo Quyết định số 753/QĐ-UB ngày 31/12/1992 UBND tỉnh Bắc Thái.
- Ngày 24/11/1993: Nhà máy nước Bắc Thái được đổi tên thành Công ty Cấp nước Bắc Thái, tại Quyết định số 746/UB-QĐ ngày 24/11/1993 UBND tỉnh Bắc Thái.
- Ngày 04/4/1997: UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 681/QĐ-UB về việc đổi tên Công ty Cấp nước Bắc Thái thành Công ty Cấp nước Thái Nguyên.
- Ngày 07/10/2005: UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2088/QĐ- UBND về việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và đổi tên Công ty Cấp nước Thái Nguyên thành Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Thái Nguyên.
- Ngày 22/10/2009: UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2691/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Thái Nguyên thành Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.
- Ngày 21/10/2014: UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2338/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu doanh nghiệp và phương án phát hành cổ phần, tăng Vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên lên 160 tỷ đồng.
- Ngày 25/4/2017: Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đối với Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên kể từ ngày 25/4/2017.
- Ngày 26/5/2017: Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu TNW đầu tiên tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**2. Ngành nghề kinh doanh chính của công ty:**

<u>Stt</u>	<u>Tên ngành</u>	<u>Mã ngành</u>
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước;	3600 (Chính)
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;	1104
3	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;	4322
4	Lắp đặt hệ thống điện;	4321
5	Xây dựng nhà các loại;	4210
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công nghiệp, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật);	4290

7	Hoạt động tư vấn quản lý (tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình);	7020
8	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khoan thăm dò và khoan khai thác nước ngầm; Khảo sát địa hình, địa chất công trình; Thiết kế hệ thống cấp nước, thoát nước công trình dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp; Thiết kế công trình công nghiệp; Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp, công trình điện năng; Giám sát xây dựng công trình dân dụng, cấp thoát nước, đường dây và trạm điện;	7110
9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;	6810
10	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;	5210
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy);	5221
12	Cho thuê xe có động cơ;	7710
13	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;	8130
14	Sản xuất khác chưa phân vào đâu (Chế tạo thiết bị ngành nước);	3290
15	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669

#### **Địa bàn kinh doanh:**

- Thành phố Thái Nguyên;
- Thành phố Sông Công;
- Thành phố Phổ Yên và các vùng lân cận;
- Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ và các vùng lân cận;
- Thị trấn Đu, huyện Phú Lương và các vùng lân cận;
- Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai và các vùng lân cận;
- Thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ và các vùng lân cận;
- Khu công nghiệp Diềm Thụy và các vùng lân cận.

#### **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

##### *3.1. Mô hình quản trị:*

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban Kiểm soát.
- Tổng Giám đốc.

##### *3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:*

- Đại hội đồng cổ đông

*Chữ ký*

- Hội đồng quản trị: 05 thành viên
- Ban kiểm soát: 03 thành viên
- Tổng Giám đốc: 01 thành viên
- Bộ máy quản lý thuộc quyền điều hành của Tổng Giám đốc:
  - + Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng: 04 thành viên
  - + Các phòng chức năng: 05
  - + Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng: 01
  - + Chi nhánh xí nghiệp: 09

### 3.3. Công ty con: :

#### (1) Công ty TNHH Xây dựng công trình nước sạch Thái Nguyên

- Địa chỉ: Tổ 1, đường Bến Oánh, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.

- Vốn điều lệ thực góp: 3.000.000.000 VND (Ba tỷ đồng)

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con: 100% vốn điều lệ

#### (2) Công ty TNHH Friend

- Địa chỉ: Tổ 1, đường Bến Oánh, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và tiêu thụ nước tinh khiết và các đồ uống không cồn, đồ uống có cồn.

- Vốn điều lệ thực góp: 1.000.000.000 VND (Một tỷ đồng)

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con: 100% vốn điều lệ

### 4.4. Công ty liên kết:

#### (1) Công ty Cổ phần Doinco Việt Nam

- Địa chỉ: Số 15, ngõ 155/74/20, phố Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

- Vốn điều lệ thực góp: 232.498.900.000 đồng (Hai trăm ba mươi hai tỷ, bốn trăm chín tám triệu, chín trăm nghìn đồng).

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty liên kết: 35,91 % vốn điều lệ thực góp.

## 4. Định hướng phát triển:

### 4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:



- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động và đóng góp ngân sách Nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Tiếp tục nghiên cứu thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật của Nhà nước, tình hình thực tế tại địa phương và bảo đảm công tác phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đầu tư trong lĩnh vực ngành nghề chính là Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch sinh hoạt đáp ứng theo văn bản Thỏa thuận dịch vụ cấp nước đã ký kết với UBND tỉnh Thái Nguyên.

#### 4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Thực hiện định hướng phát triển Định hướng cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

#### 4.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Đảm bảo mục tiêu không ảnh hưởng môi trường trong quá trình thực hiện các dự án và trong quá trình sản xuất kinh doanh như: Bảo tồn nguồn nước, tiết kiệm nguồn nước sạch (nước mặt và nước ngầm), tiết kiệm năng lượng, sử dụng các máy móc thiết bị, hóa chất xử lý nước thân thiện với môi trường ..., đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ an sinh xã hội, đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước bảo đảm yêu cầu vệ sinh của cộng đồng.

#### 5. Các rủi ro:

- Giá bán nước sinh hoạt (thẩm quyền do UBND tỉnh quyết định) chưa được điều chỉnh kịp thời khi chi phí sản xuất tăng lên.

- Số lượng khách hàng và mức sử dụng nước sạch của khách hàng sau khi vận hành các dự án thường thấp hơn cam kết trước khi thực hiện dự án, dẫn đến sản lượng, doanh thu không đạt như mong muốn, làm giảm hiệu quả kinh doanh.

- Việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng kỹ thuật giao thông, đô thị trong tỉnh đã buộc Công ty phải chi phí dịch chuyển, sửa chữa, thay mới các tuyến ống, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và kiểm soát thất thoát nước.

- Tỷ lệ hộ khách hàng sử dụng cả nguồn tự khai thác nước giếng khoan để sử dụng cao nên mức sử dụng nước bình quân các hộ hàng tháng thấp hơn mục tiêu tại Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Điều chỉnh định hướng phát triển Định hướng cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xung đột vũ trang trên thế giới và thiên tai, dịch bệnh ở Việt Nam diễn biến hết sức phức tạp, khó lường ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế, xã hội nói chung và ảnh hưởng đến mức độ tiêu thụ nước sạch của Công ty nói riêng.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ TH/KH năm 2022	Tỷ lệ TH năm 2022 / năm 2021
1	Sản lượng nước thương phẩm	m <sup>3</sup>	15.899.999	16.013.734	100,7%	102,8%
-	<i>Khu vực cổ phần</i>	<i>m<sup>3</sup></i>	<i>15.033.999</i>	<i>15.230.961</i>	<i>101,3%</i>	<i>103,4%</i>
-	<i>Khu vực chưa cổ phần</i>	<i>m<sup>3</sup></i>	<i>866.000</i>	<i>782.773</i>	<i>90,4%</i>	<i>92,2%</i>
2	Tỷ lệ thất thoát	%	17,90	17,20	-0,70	-1,02
-	<i>Khu vực cổ phần</i>	%	<i>18,32</i>	<i>17,18</i>	<i>-1,14</i>	<i>-1,68</i>
-	<i>Khu vực chưa cổ phần</i>	%	<i>14,14</i>	<i>17,37</i>	<i>3,23</i>	<i>1,39</i>
3	Mở mạng khách hàng mới	Hộ	2.700	2.130	78,9%	84,0%
4	Tổng giá trị sản lượng	1.000đ	202.910.000	177.592.460	87,5%	91,7%
5	Giải ngân dự án, công trình	1.000đ	306.164.000	254.108.000	83,0%	228,8%
6	Tổng doanh thu	1.000đ	229.225.000	190.096.628	82,9%	95,9%
7	Nộp ngân sách	1.000đ	12.512.000	6.570.397	56,6%	63,1%
8	Nộp ngân sách bổ sung giai đoạn trước năm 2022	1.000đ		57.934.750		
9	Lợi nhuận sau thuế	1.000đ	20.361.000	7.496.280	36,8%	130,8%
-	<i>Khu vực cổ phần</i>	<i>1.000đ</i>		<i>13.660.754</i>		<i>104,5%</i>
-	<i>Khu vực chưa cổ phần</i>	<i>1.000đ</i>		<i>(6.164.474)</i>		<i>83,9%</i>
10	Cổ tức	%	8,0	5,55	69,4%	79,3%
11	Tổng số lao động	Người	468	453	96,8%	99,3%
12	Thu nhập bình quân/người/tháng	1.000đ	8.500	9.100	107,1%	108,3%

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc, sự quyết tâm của toàn thể cán bộ, người lao động Công ty, năm 2022 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giữ ổn định, sản lượng nước thương phẩm tăng trưởng vượt mức kế hoạch, kiểm soát tốt an ninh nguồn nước, chất lượng nước tại các nhà máy, an toàn cấp nước trên địa bàn của Công ty; hoàn thành thi công Dự án Phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên nâng công suất của Công ty lên 120.800m<sup>3</sup>/ngày đêm; nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ theo số phát sinh, ngoài ra Công ty đã cân đối, bố trí nộp bổ sung của những năm trước 57,9 tỷ đồng; bảo đảm đời sống,

việc làm, chế độ của người lao động được thực hiện đầy đủ, thu nhập bình quân tăng trưởng 8,3%; giữ gìn an toàn lao động, an ninh trật tự trong Công ty.

## 2. Tổ chức và nhân sự:

### 2.1 Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ, ngành nghề đào tạo chuyên môn	Số CP có quyền biểu quyết gồm cả CP đại diện (Tính đến ngày 31/12/2021)
1.	Nguyễn Xuân Học	TGD	1971	Cử nhân Kinh tế	3.449.232
2.	Nguyễn Văn Tiến	PTGD	1969	Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp	1.656.984
3.	Nguyễn Bá Quyết	PTGD	1976	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Kỹ sư Cấp Thoát nước	0
4.	Nông Quốc Bình	PTGD	1962	Kỹ sư Kinh tế	0
5.	Nguyễn Minh Phương	Kế toán trưởng	1984	Cử nhân Kế toán	0

### 2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành:

Từ ngày 24/11/2022 ông Nông Quốc Bình thôi không đảm nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty, nghỉ hưu theo chế độ.

### 2.3 Số lượng cán bộ CNV-LĐ thuộc công ty tính đến hết ngày 31/12/2022:

Tổng số lao động: 453 người.

### 2.4 Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước, quy chế nội bộ không có thay đổi lớn.

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

### a) Các khoản đầu tư lớn:

Giải ngân được 250,7 tỷ đồng Dự án Phát triển Hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên, trong đó vốn vay ADB giải ngân được 241,6 tỷ đồng và vốn đối ứng giải ngân được 9,1 tỷ đồng.

### b) Các công ty con, công ty liên kết:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 Công ty TNHH Xây dựng công trình Nước sạch Thái Nguyên và Công ty liên kết đều bảo toàn vốn, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lợi nhuận nhưng chỉ tiêu về khả năng sinh lời chưa cao, Công ty Friend bị lỗ.

## 4. Tình hình tài chính:

## a) Tình hình tài chính (theo Báo cáo tài chính hợp nhất):

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	đồng	812.332.065.298	932.422.268.846	14,8 %
	- Tài sản ngắn hạn	đồng	188.453.423.336	105.210.729.213	- 44,2 %
	- Tài sản dài hạn	đồng	623.878.641.962	827.211.539.633	32,5 %
2	Doanh thu thuần	đồng	196.230.765.853	188.147.278.304	- 4,12 %
3	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	đồng	9.365.065.246	11.183.625.551	19,4 %
4	Lợi nhuận khác	đồng	19.944.726	(66.542.030)	- 333,6 %
5	Lợi nhuận trước thuế	đồng	9.385.009.972	11.117.083.521	18,5 %
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	5.729.523.636	7.496.280.201	30,8 %
	- Khu vực cổ phần	đồng	13.068.866.186	13.660.754.338	4,5 %
	- Khu vực chưa cổ phần	đồng	(7.339.342.550)	(6.164.474.137)	- 16,0 %
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	331	440	32,9 %

## b). Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

STT	Chỉ tiêu		Năm 2021	Năm 2022
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	0,62	0,48
	- Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	0,57	0,42
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,72	0,76
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	2,60	3,18
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	lần	4,95	4,30
	- Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/ Tổng tài sản)	lần	0,24	0,20
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số P sau thuế/ DT thuần	lần	0,029	0,040
	- Hệ số P sau thuế/ Vốn CSH	lần	0,025	0,034



- Hệ số P sau thuế/ Tổng TS	lần	0,007	0,008
- Hệ số P từ HĐKD/ DT thuần	lần	0,048	0,059

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

#### a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 16.000.000 cổ phần, bao gồm 100% là cổ phần phổ thông, trong đó:

+ Số lượng cổ phần do Nhà nước sở hữu: 6.763.200 cổ phần

+ Số lượng cổ phần chuyên nhượng tự do: 16.000.000 cổ phần

+ Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyên nhượng: Không có

- Ngày 25/4/2017 Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đối với Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên kể từ ngày 25/4/2017:

+ Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên

+ Mã chứng khoán: TNW

+ Mã ISIN: VN000000TNW1

+ Sàn giao dịch: UPCOM

+ Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)

+ Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

+ Số lượng cổ phiếu đăng ký: 16.000.000 cổ phiếu

+ Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 160.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tỷ đồng)

+ Hình thức đăng ký: Ghi sổ

- Ngày 26/5/2017 Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu TNW đầu tiên tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

#### b) Cơ cấu cổ đông (Tại thời điểm 20/3/2023):

##### (1) Cơ cấu theo cổ đông lớn và cổ đông nhỏ:

- Cổ đông lớn: 03 CĐ, nắm giữ 93,32% Vốn Điều lệ

- Cổ đông nhỏ: 361 CĐ, nắm giữ 6,68% Vốn Điều lệ

##### (2) Cơ cấu cổ đông là tổ chức và cổ đông cá nhân:

- Cổ đông là tổ chức: 02 CĐ, nắm giữ 83,27% Vốn Điều lệ

- Cổ đông là cá nhân: 362 CĐ, nắm giữ 16,73% Vốn Điều lệ

##### (3) Cơ cấu cổ đông trong nước và nước ngoài:

- Cổ đông trong nước: 363 CĐ, nắm giữ 99,999994% Vốn Điều lệ
- Cổ đông nước ngoài: 01 CĐ, nắm giữ 0,000006% Vốn Điều lệ

(4) Cơ cấu cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác

- Cổ đông nhà nước: 01 CĐ, nắm giữ 42,27% Vốn Điều lệ
- Cổ đông khác: 373 CĐ, nắm giữ 57,73% Vốn Điều lệ

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Không có sự thay đổi.

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không có.

e) *Các chứng khoán khác:* Không có.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:**

*6.1. Tác động lên môi trường:*

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không.

*6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm, dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Nước: 20.436.258 m<sup>3</sup>
- Clo lỏng: 89.564 kg
- Javen công nghiệp: 111.261 kg
- Phèn kép: 193.765 kg
- Vôi bột: 67.280 kg

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không.

*6.3 Tiêu thụ năng lượng:*

a) Điện năng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 6.249.321 KWh.

b) Điện năng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không.

*6.4. Tiêu thụ nước:*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nước ngầm và nước sông Công. Lượng nước sử dụng: 20.436.258 m<sup>3</sup> dùng làm nguyên liệu để sản xuất nước sinh hoạt.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

*6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

*6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:*

a) Số lượng lao động: 453 người, mức tiền lương trung bình đối với người lao động: 9.100.000 đồng/người-tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo pháp luật lao động hiện hành, hỗ trợ kinh phí cho người lao động phòng, chống dịch Covid-19 và nghỉ dưỡng sức tại nhà.

c) Hoạt động đào tạo:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 10 giờ/người

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Học tập kỹ năng giao tiếp với khách hàng; học tập về công tác an toàn vệ sinh lao động; học tập về các văn bản của Đảng, pháp luật mới của Nhà nước...

*6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:*

Công ty đã thực hiện tốt việc cung cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu đời sống và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn đô thị trong tỉnh, đảm bảo chất lượng, giá bán theo quy định; đầu tư cải tạo mạng đường ống cấp nước nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cấp nước; đầu tư mới hệ thống mạng đường ống cấp nước để mở rộng phạm vi khu vực được cấp nước, tăng số lượng người dân được cấp nước.

Ngày 18/11/2022 UBND tỉnh đã phê duyệt Phương án giá bán nước sạch sinh hoạt của Công ty trong đó giá bán nước đối với hộ nghèo được miễn từ 0 đến 10 m<sup>3</sup>/tháng, giá bán từ 11 m<sup>3</sup> trở lên thấp hơn 15,3% so các hộ dân khác.

Tham gia các chương trình ủng hộ từ thiện - xã hội do chính quyền địa phương và các đoàn thể chính trị - xã hội phát động.

*6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:* Không.

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Năm 2022 Ban Tổng Giám đốc đã tập trung điều hành quyết liệt nhằm thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh do ĐHCĐ thường niên năm 2022 đề ra, bảo đảm vừa sản xuất kinh doanh ổn định, kiểm soát tốt an ninh nguồn nước, chất lượng nước tại các nhà máy, an toàn cấp nước trên địa bàn của Công ty, sản lượng nước thương phẩm tăng 0,7% so kế hoạch, bảo đảm an toàn lao động, an ninh trật tự trong

Công ty vừa bảo đảm công tác phòng, chống dịch Covid-19; đời sống, việc làm, tiền lương và các chế độ của người lao động được bảo đảm.

Tổng doanh thu và lợi nhuận chưa đạt kế hoạch năm nguyên nhân chính do thời gian điều chỉnh tăng giá bán nước của UBND tỉnh chậm hơn so với kế hoạch dự kiến, doanh thu xây lắp đạt thấp và công tác cơ cấu, sáp nhập các đơn vị cấp huyện chưa thực hiện do phải chờ cấp có thẩm quyền chỉ đạo cụ thể. Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế vẫn tăng 30,8% so năm 2021.

Dự án Phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên đã hoàn thành công tác thi công theo tiến độ đề ra, đang hoàn chỉnh các thủ tục bàn giao đưa vào vận hành chính thức.

Sản lượng nước thương phẩm của các xí nghiệp nước sạch khu vực các huyện đạt thấp so kế hoạch và giảm so năm 2021, nguyên nhân do nền nhiệt độ trung bình trong các tháng mùa hè thấp hơn và lượng mưa nhiều hơn so với trung bình nhiều năm, trong khi đa số khách hàng sử dụng cả nguồn nước giếng khoan tự khai thác, khu vực Xí nghiệp Nước sạch Đại Từ đang cấp nước cho khách hàng xảy ra tình trạng có đơn vị cấp nước chổng lẩn vi phạm Nghị định của Chính phủ và các văn bản của UBND tỉnh Thái Nguyên, Công ty đã có văn bản kiến nghị chính quyền địa phương huyện Đại Từ nhưng chưa được giải quyết dứt điểm.

## 2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản: Tổng giá trị tài sản năm 2022 là 932,422 tỷ đồng, tăng 14,8% so năm 2021. Về cơ cấu Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng 11,3 % Tổng giá trị tài sản.

b) Tình hình nợ phải trả, các chỉ tiêu tài chính:

- Công ty có khoản nợ quá hạn chưa thanh toán cho ngân sách nhà nước là lãi chậm nộp cổ tức phần vốn Nhà nước đến năm 2022 số tiền 22,083 tỷ đồng do chưa được UBND tỉnh Thái Nguyên xem xét chính sách cấp bù/hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với số lỗ của các xí nghiệp nước sạch khu vực các huyện mà nhà nước giao Công ty quản lý (*Số lỗ lũy kế của các xí nghiệp thuộc Công ty được UBND tỉnh Thái Nguyên giao nhiệm vụ quản lý và điều hành hoạt động là 87.323.570.328 đồng, trong đó số đầu năm: lỗ lũy kế 81.159.096.191 đồng*). Theo Công văn số 14588/BTC-TCDN ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính, UBND tỉnh Thái Nguyên phải xem xét chính sách cấp bù hoặc chính sách hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với số lỗ của các xí nghiệp nước sạch. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, UBND tỉnh vẫn chưa có chính sách cấp bù hoặc chính sách hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với khoản lỗ cho Công ty mẹ.

- Hệ số thanh toán ngắn hạn: 0,48

- Hệ số thanh toán nhanh: 0,42

- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản: 0,76

- Hệ số Nợ/ Vốn Chủ sở hữu: 3,18

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Thực hiện đánh giá hiệu quả công việc lao động hằng tháng, có cơ chế thưởng cán bộ, người lao động có thành tích mang lại hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

- Đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống đường ống truyền tải và phân phối để mở rộng vùng cấp nước, phát triển khách hàng mới để phát huy công suất của các nhà máy.

- Đầu tư các thiết bị tiên tiến để kiểm soát vận hành nhà máy và hệ thống mạng cấp nước.

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp dây truyền sản xuất nhằm nâng cao và kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống cũ ảnh hưởng đến chất lượng nước cung cấp và gây thất thoát nước lớn.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ, các quy trình sản xuất nhằm nâng cao chất lượng quản trị, quản lý.

#### **5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:**

*Giải trình ý kiến của kiểm toán ngoại trừ:* Công ty hạch toán toàn bộ khấu hao các tuyến ống, tiền lương và các khoản bảo hiểm theo lương, chi phí sửa chữa ngoài mạng lưới đường ống, chi phí lắp đặt đồng hồ đo nước theo Phương án giá bán nước sạch đã được UBND tỉnh phê duyệt. Phương án giá bán nước sạch Công ty xây dựng theo Quyết định 590/BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước; Thông tư 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt đã được liên ngành gồm: Sở Tài chính, sở Xây dựng, Cục Thuế, sở Lao động - Thương binh và xã hội, sở Tư pháp, sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên thống nhất thẩm định. Theo Thông tư 44/2021/TT-BTC hay Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì chi phí phát sinh phục vụ công đoạn nào thì được tính cho công đoạn đó. Do vậy toàn bộ khấu hao tài sản cố định, lao động và các khoản chi phí sửa chữa bên ngoài nhà máy Công ty xác định là khấu bán hàng. Việc xác định đưa vào chi phí bán hàng, chi phí sản xuất hay chi phí quản lý doanh nghiệp thì không làm thay đổi kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ.

#### **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:**

a) *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):* Công ty luôn quản lý, giám sát chặt chẽ công tác sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng, nguồn nước; duy trì tốt công tác vệ sinh môi trường, kiểm tra giám sát vùng bảo hộ vệ sinh nguồn nước sản xuất theo quy định.

b) *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:* Cán bộ, người lao động trong Công ty là những người được đào tạo cơ bản, có ý thức trách nhiệm trước công việc được giao, mong muốn được gắn bó làm việc và xây dựng Công ty phát triển.

c) *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương*: Công ty đã cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bảo đảm chất lượng, chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước và công tác xã hội tại địa phương.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Nhất trí theo báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 (Mục III.1).

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:**

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu sản lượng nước thương phẩm so kế hoạch đề ra, lợi nhuận tăng trưởng so năm 2021, bảo đảm an toàn về tài sản, an toàn lao động; bảo đảm đời sống, việc làm, thu nhập và mối quan hệ lao động hài hoà, ổn định trong doanh nghiệp. Tháo gỡ nhiều khó khăn, vướng mắc để bảo đảm đúng tiến độ thi công Dự án Phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên.

##### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Công tác sản xuất nước sạch và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước sạch là nhiệm vụ trọng tâm.

- Tiếp tục nghiên cứu thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật của Nhà nước, tình hình thực tế tại địa phương và bảo đảm công tác phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt là phát triển cấp nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Tiếp tục rà soát để tổ chức bộ máy gọn nhẹ, linh hoạt, phù hợp với tính chất ngành nghề, nâng cao chất lượng cán bộ, người lao động.

- Tiếp tục xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật để nâng cao công tác quản lý, giám sát; xây dựng mô hình khoán hiệu quả, phù hợp đối với từng lĩnh vực.

- Đề xuất cấp thẩm quyền đầu tư phát triển hệ thống cấp nước tại các khu dân cư, khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa có hệ thống cấp nước tập trung; phê duyệt về lộ trình điều chỉnh và mức điều chỉnh tăng giá bán nước sạch hằng năm từ 5% đến 7% để Công ty và khách hàng (đặc biệt là các doanh nghiệp nước ngoài) chủ động trong việc lập kế hoạch sản xuất hằng năm, tăng thêm nguồn vốn đầu tư cho phát triển sản xuất, sửa chữa, cải tạo, thay thế máy móc, thiết bị từ việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả từng khoản chi phí trong giá thành sản xuất nước phù hợp với thực tế phát sinh.

- Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để bàn giao, tiếp nhận, đưa vào vận hành chính thức Dự án Phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên.

- Lập các dự án đầu tư mở rộng vùng cấp nước tới huyện Đông Hy, huyện Phú Bình và vùng lân cận để phát huy công suất các nhà máy sản xuất.

- Lập phương án chống thất thoát, thất thu trung hạn và lộ trình từng năm.

- Tiếp tục đầu tư thay thế các tuyến ống cũ, ống thép cũ trước đồng hồ, sửa chữa lớn các tài sản cố định đã hư hỏng, xuống cấp.

- Đầu tư thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến trong quản lý sản xuất nước sạch, quản lý khai thác tài nguyên nước, quản lý chống thất thu, thất thoát, an toàn vệ sinh lao động, nâng cao chất lượng công tác thông tin, giao dịch với khách hàng.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và Tên	Số CP có quyền biểu quyết (Tính đến ngày 20/3/2022)	Chức vụ tại Công ty	Chức vụ tại công ty khác
1	Nguyễn Quang Mãi	8.167.446	Chủ tịch HĐQT	- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn quốc tế Đông Á. - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Ngô Việt Nam. - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng. - Chủ tịch HĐQT Công ty DOINCO Việt Nam.
2	Nguyễn Xuân Học	3.449.232	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	
3	Nguyễn Văn Tiến	1.656.984	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Từ tháng 01 đến tháng 04/2022 là Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Ngô Việt Nam.
4	Nguyễn Bá Quyết	0	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	
5	Nông Quốc Bình	0	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Thôi tham gia HĐQT từ ngày 24/11/2022 để nghỉ hưu theo chế độ.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT đã có 31 phiên họp để xem xét và quyết định các nội dung theo thẩm quyền và nghĩa vụ quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Các buổi họp của HĐQT đều mời đại diện BKS tham dự. Các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ các cuộc họp. Nội dung và kết quả các cuộc họp được phản ánh đầy đủ tại Báo cáo quản trị công ty năm 2022 đã được công bố thông tin theo quy định.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: HĐQT chưa có thành viên độc lập.

e) Danh sách các thành viên HĐQT đào tạo về quản trị Công ty:

TT	Họ và Tên	Trình độ đào tạo
1	Nguyễn Bá Quyết	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
2	Nông Quốc Bình	Kỹ sư Kinh tế
3	Nguyễn Văn Tiến	Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp

Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị trong năm: Không có.

## 2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP có quyền biểu quyết (Tính đến ngày 20/3/2023)
1	Vũ Khánh Lâm	Trưởng Ban	0
2	Hoàng Thị Huệ	Thành viên	13.611
3	Thân Hương Lan	Thành viên (Không còn là thành viên BKS từ ngày 01/6/2022)	0
4	Nguyễn Thị Mai	Thành viên (Tham gia BKS từ ngày 01/6/2022)	0

### 2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS):

- BKS đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

- Tổ chức 05 cuộc họp theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao; bám sát Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, cụ thể: Xem xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và chương trình kế hoạch của Công ty theo định kỳ; xem xét đánh giá kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

- Tham gia với HĐQT trong việc đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

- Thường xuyên trao đổi giữa các thành viên BKS cũng như với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông;

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát chi trong năm 2022:



## 3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Đơn vị tính: VND

TT	Diễn giải	Lương+ phụ cấp BQLDA	Thưởng (Tháng 13)	Thù lao	Các khoản khác ( lễ, tết)	Tổng cộng
<b>I</b>	<b>HDQT, Ban TGD</b>					
1	Nguyễn Quang Mãi			528.000.000	8.700.000	536.700.000
2	Nguyễn Xuân Học	306.084.000		115.200.000	8.700.000	429.984.000
3	Nguyễn Bá Quyết	250.565.000		115.200.000	8.700.000	374.465.000
4	Nguyễn Văn Tiến	260.035.000		115.200.000	8.700.000	383.935.000
5	Nông Quốc Bình	234.498.000		105.600.000	7.200.000	347.298.000
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm Soát</b>					-
1	Vũ Khánh Lâm	-		330.000.000	8.700.000	338.700.000
2	Hoàng Thị Huệ	147.915.243	17.420.000	84.480.000	8.700.000	258.515.243
3	Thân Hương Lan	-	-	77.000.000	6.700.000	83.700.000
4	Nguyễn Thị Mai	-	-	92.400.000	2.000.000	94.400.000
<b>III</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>					
1	Nguyễn Minh Phương	330.000.000	-		8.700.000	338.700.000
2	Đặng Thị Duyên	210.012.786	69.384.000		8.700.000	288.096.786
3	Trần Tiến Soạn	222.842.726	70.563.000		8.700.000	302.105.726
4	Lê Huy Phú	241.233.460	79.354.000		8.700.000	329.287.460
5	Nguyễn Thị Ngọc Anh	242.908.288	79.698.000		8.700.000	331.306.288
6	Nguyễn Thị Nhâm	205.321.305	67.333.000		8.700.000	281.354.305
7	Phạm Quốc Hùng	233.798.323	75.248.000		8.700.000	317.746.323
8	Phạm Đức Mạnh	237.235.925	76.113.000		8.700.000	322.048.925
9	Hà Văn Hải	314.400.278	112.177.000		8.700.000	435.277.278

10	Phạm Hồng Hà	153.806.779	58.729.000		8.700.000	221.235.779
11	Nguyễn Huy Quỳnh	158.312.545	48.904.000		8.700.000	215.916.545

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2022: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

- Hợp đồng nguyên tắc với Công ty TNHH Xây dựng công trình Nước sạch Thái Nguyên (Là Công ty con) về việc thi công mở mạng phát triển khách hàng mới trên hệ thống mạng cấp nước của Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.

- Giao dịch vay ngắn hạn công ty liên kết số tiền 18 tỷ đồng với lãi suất 0%.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty, đặc biệt là tuân thủ Điều lệ Công ty, có kế hoạch rà soát để sửa đổi, bổ sung các văn bản nội bộ để bảo đảm phù hợp với quy định của các văn bản pháp luật.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**1. Ý kiến của kiểm toán:** Ngoại trừ vấn đề nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Các vấn đề cần nhấn mạnh:

Không phủ nhận ý kiến đã nêu, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến các thuyết minh sau đây trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Thuyết minh số V.14, V.19a và VII.3: Chi tiêu “Lợi nhuận chưa phân phối” của Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2022 đang bao gồm số lỗ lũy kế của các xí nghiệp Xí nghiệp Nước sạch Trại Cau, Đại Từ, Võ Nai, Trạm Nước sạch Phú Lương và Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Diềm Thụy (là các xí nghiệp thuộc Công ty được UBND tỉnh Thái Nguyên giao nhiệm vụ quản lý và điều hành hoạt động), số tiền 87.323.570.328 đồng (số đầu năm: lỗ lũy kế 81.159.096.191 đồng). Lợi nhuận trước thuế để tính thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty trong kỳ này và các kỳ trước không bao gồm kết quả sản xuất kinh doanh của các đơn vị này. Theo Công văn số 14588/BTC-TCĐN ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính, UBND tỉnh Thái Nguyên phải xem xét chính sách cấp bù hoặc chính sách hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với số lỗ của các xí nghiệp nước sạch. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, UBND tỉnh vẫn chưa có chính sách cấp bù hoặc chính sách hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với khoản lỗ cho Công ty mẹ.

- Thuyết minh số VII.5: Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:** Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Ban lãnh đạo Công ty đã xác nhận Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022, được công bố thông tin theo quy định và đăng tải trên địa chỉ Website của Công ty: <http://nuocsachthainguyen.vn> ./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT.

*ng*

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Nguyễn Quang Mãi**